

Số: 111/2025/QĐST- HNGĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Trí Tuấn

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình số 03/2025/QĐST- VHNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp giải quyết việc Hôn nhân và gia đình số 01/2025/QĐ-VHNGĐ ngày 22/8/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:***

- Bà D, sinh ngày 02/12/1974; Số CCCD: 001174021171

- Ông T, sinh ngày 01/02/1968; Số CCCD: 001068017016

Cùng địa chỉ: Thôn Ngũ Sơn, xã Thạch Thất (cũ là xã L, huyện Thạch Thất), thành phố Hà Nội. Có đơn giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Người yêu cầu bà D và ông T trình bày: Ông, bà tự nguyện kết hôn vào tháng 12 năm 1990 có đăng ký tại UBND xã L, huyện Thạch Thất (nay là xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn ông, bà có khoảng vài tháng tìm hiểu nhau rồi mới tiến tới hôn nhân. Như phong tục tập quán trước khi tổ chức lễ cưới thì ông, bà đi đăng ký kết hôn. Khi đi đăng ký ngoài ông bà còn có đại diện gia đình hai bên đưa đi. Khi làm thủ tục đăng ký tại UBND xã L ông, bà không phải

mang bất kỳ giấy tờ tùy thân nào mà chỉ phải khai ngày tháng năm sinh rồi ký vào giấy chứng nhận. Sau đó cán bộ tư pháp của xã cấp cho giấy chứng nhận kết hôn và ông, bà mang về cất giữ tại gia đình. Sau khi đăng ký kết hôn xong thì ông, bà được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo đúng quy định và phong tục của địa phương. Từ đó cho tới nay ông, bà chung sống hạnh phúc. Ông, bà có 03 con chung và các con cũng đều đã trưởng thành nên ông, bà muốn làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con nhưng khi lấy giấy chứng nhận kết hôn và làm thủ tục thì ông, bà mới biết trong giấy chứng nhận kết hôn ghi sai ngày tháng năm sinh của bà Dần còn ông Thọ thì sai ngày tháng sinh. Ông, bà khẳng định bà D, sinh ngày 02/12/1974 theo giấy khai sinh và căn cước công dân chứ không phải là ngày 02/02/1973 như trong giấy chứng nhận kết hôn. Mặt khác năm sinh của bà Dần cũng được thể hiện theo tên gọi mà bố mẹ bà ngầm đặt cho bà Dần tức năm 1974 còn ông T, sinh ngày 01/02/1968 chứ không phải là ngày 02/5/1968 như trong giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Dần mới được 16 tuổi 27 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định pháp luật. Từ đó ông, bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/1990 của UBND xã L, huyện Thạch Thất (nay là xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp của ông, bà khi bà Dần đủ tuổi. Ngoài ra ông, bà không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 5; Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình của bà D và ông Vương Anh Thọ. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà D và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/1990 của UBND xã L, huyện Thạch Thất (nay là UBND xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội). Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D, sinh ngày 02/12/1974 và ông T, sinh ngày 01/02/1968 kể từ ngày 02/12/1992.

Bà D và ông T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Bà D và ông T phải chịu lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà D và ông T có nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn Ngũ Sơn, xã Thạch Thất (cũ là xã L, huyện Thạch Thất), thành phố Hà Nội. Ông, bà đăng ký kết hôn tại UBND xã L có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội.

Bà D và ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp theo quy định.

[2]. Về nội dung: Bà D và ông T sau thời gian quen biết, tìm hiểu và được gia đình hai bên cho phép đã tiến tới hôn nhân vào tháng 12 năm 1990. Cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thạch Thất và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/1990. Theo Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên của UBND xã L thì bà D, sinh ngày 02/02/1973 và ông T, sinh ngày 02/5/1968. Tuy nhiên, theo Giấy khai sinh và căn cước công dân thì bà D, sinh ngày 02/12/1974 và ông T, sinh ngày 01/02/1968 nên tại thời điểm kết hôn bà D mới được 16 tuổi 22 ngày và chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Ủy ban nhân dân xã Thạch Thất cho biết: Bà D có đăng ký kết hôn với ông T và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/1990. Ngoài sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn được lưu tại UBND xã thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác kèm theo việc đăng ký kết hôn, điều này phù hợp với lời khai của bà Dần và ông Thạo. Mặt khác, qua xác minh với trưởng thôn Ngũ Sơn thể hiện: Trên địa bàn thôn Ngũ Sơn, xã L (nay là xã Thạch Thất) chỉ có một người tên là bà D, sinh ngày 02/12/1974 kết hôn với ông T, sinh ngày 01/02/1968, ngoài ra không còn ai khác. Việc bà Dần và ông Thạo đăng ký kết hôn cụ thể năm nào thì ông không nắm được nhưng đúng là ông, bà chung sống với nhau từ năm 1990 khi đó bà Dần mới chỉ hơn 16 tuổi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Từ những phân tích trên xét thấy có đủ cơ sở để xác định bà D kết hôn với ông T và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/1990 là trái pháp luật do tại thời điểm kết hôn bà D chưa đủ tuổi kết hôn (16 tuổi 22 ngày) theo quy định. Bà D và ông T có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ ngày bà D đủ tuổi kết hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 5; Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp nên cần được chấp nhận.

[3]. Về lệ phí việc Hôn nhân và gia đình: Bà D và ông T phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà D và ông T: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà D, sinh ngày 02/12/1974 và ông T, sinh ngày 01/02/1968 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/1990 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thạch Thất (nay là xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội).

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D, sinh ngày 02/12/1974 và ông T, sinh ngày 01/02/1968 kể từ ngày 02/12/1992.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Bà D và ông Nguyễn Văn Thao phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059381 ngày 26/6/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà D và ông T có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 – Hà Nội;
- UBND xã Thạch Thất, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Trí Tuân